TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-ST
Ngày 28/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ngô Thị T

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn H và Bà Hà Thị T .

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lâu Văn C , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*

Ông: Trương Văn P - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HS ngày 13/11/2018 đối với bị cáo:

Lương Văn T - Sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Bản Pùng, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Bố: Lương Văn C ; Mẹ: Lò Thị P (Đều đã chết). Vợ: Hà Thị M - Sinh Năm: 1968. Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Vợ và các con của bị cáo hiện đang sinh sống bằng nghề trồng trot. ở Bản Pùng, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Bố mẹ Lương Văn T sinh được 07 người con, T là con thứ 02 trong gia đình. Thiền sinh ra và lớn lên ở bản Pùng, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, do không được đi học nên không biết chữ, chỉ ký và viết được họ tên của mình, đến tuổi trưởng thành thì lập gia đình và sinh sống bằng nghề trồng trọt. T có sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2018. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông: Hà Văn K , trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 07/8/2018, bị cáo mua 20 (hai mươi) viên Hồng phiến (ma túy tổng hợp) với một người đàn ông công dân Nước CHDCND Lào, tên là Cấu tại bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 50.000 (*Năm mươi nghìn*) đồng rồi đem về nhà và sử dụng một viên. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo mang theo 19 (*mười chín*) viên Hồng phiến (ma túy tổng hợp) đến nhà anh Lộc Văn M , sinh năm 1984 ở bản Na Hin, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát để ăn cơm. Ăn cơm xong, bị cáo cùng M đi sang nhà của Lương Văn H ở bản Cang, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát. Sau đó cả ba người rủ nhau đến nhà Lò Văn Du ở bản Piềng Tặt, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát để chơi, thấy D đang cùng với Lương Văn S , sinh năm ở bản Na Hào, xã Mường Chanh, Vi Hoàng A ở Bản Cang, xã Mường Chanh đang chơi đánh bài tú lơ khơ, hình thức vui chơi (ai thua sẽ phải ngồi quỳ) còn Giang Văn H ở bản Na Hin, xã Mường Chanh ngồi xem và Lộc Anh V ở bản Cang, xã Mường Chanh đang ngủ. Thấy vậy, Lộc Văn M xin vào chơi đánh bài cùng tổ này, còn bị cáo, Giang Văn H , Lương Văn H cùng rủ nhau tổ chức thêm một hội chơi bài khác, cũng với hình thức vui chơi (ai thua sẽ phải ngồi quỳ). Đến khoảng 02 giờ ngày 08/8/2018 khi cả hai tổ đang chơi đánh bài thì tổ công tác của Công an huyện Mường Lát tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy mà bị cáo đang tàng trữ.

Tại bản Kết luận giám định số: 1693/MT-PC54 ngày 11/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

19 viên màu hồng có chữ WY dập chìm của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,047g (hai phẩy không bốn bảy gam) loại: Methamphetamie.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-ML ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề ghị HĐXX:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

+ Về điều luật: Áp dụng: Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **24** (*Hai bốn*) đến **28** (*Hai tám*) tháng tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định;

+ Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo lại không biết chữ, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS và cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo hình phạt thấp nhất.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **2,047g** *(hai phẩy không bốn bảy gam)* Methamphetamie nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy,* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân bị cáo và

toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước. Ma tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu tránh nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện may túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

[6]. *Đánh giá về những vấn đề khác:*

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can Thiền phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người đàn ông công dân Nước CHDCND Lào là người đã bán ma túy cho bị cáo thì Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ vì bị cáo không biết danh tính cụ thể người này.

Lò Văn D , Lương Văn S , Vi Hoàng A , Lộc Văn M , Giang Văn H , Lương Văn H và Lộc Anh V là những người có mặt khi Cơ quan CSĐT bắt quả tang bị cáo tàng trữ ma túy, nhưng những người này đều không biết hoặc liên quan đến hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo, nên không phải chịu trách nhiệm theo luật định.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015.

Về tội danh: Tuyên bố: Lương Văn T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **02** (*Hai*) năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/8/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Lương Văn T, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Lại Thị Thanh L, Kim Anh Tu và các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai; phong bì còn nguyên vẹn.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định chuyển vật chứng số: 43/QĐ-VKS-ML ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát; biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo được miễn tiền án phí HSST.

Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiểu
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T